

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 338/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 10 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dân tộc có khó khăn đặc thù (Dân tộc Rơ Măm) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức*

phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị Quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị Quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 81/QĐ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy thuộc đối tượng đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dân tộc có khó khăn đặc thù (dân tộc Rơ Măm) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội dân tộc có khó khăn đặc thù (Dân tộc Rơ Măm) trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Đề án) với các nội dung cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh nội dung tại điểm 2, mục III, phần thứ ba Đề án, như sau:**

**“2. Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế**

- Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao cho 190 hộ (tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm).

- Hỗ trợ nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất, tổ chức lớp tập huấn cho các hộ gia đình về kiến thức sản xuất tại thôn, làng và học tập trao đổi kinh nghiệm cho cộng đồng<sup>(1)</sup>, gồm các nội dung:

+ Hỗ trợ xây dựng mô hình, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động phát triển sản xuất khác do cộng đồng đề xuất phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 04 mô hình<sup>(2)</sup> (tối đa 500 triệu đồng/mô hình/tổ hợp tác”).

**2. Điều chỉnh nội dung “Thông tin, truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào” tại điểm 3, mục III, phần thứ ba Đề án như sau:**

“- Thông tin, truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào, gồm các nội dung:

+ Xây dựng thực hiện các nội dung như: (1) Thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng xuất bản phẩm; (2) Thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng các loại hình báo chí; (3) Hoạt động thông tin, tuyên truyền dưới hình thức tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác: 03 sản phẩm.

**3. Bổ sung nội dung tại điểm 3, mục III, phần thứ ba Đề án như sau:**

“- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm giao lưu văn hóa, học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, thuê chuyên gia đối thoại, nói chuyện chuyên đề hoạt động mang tính chất nghiên cứu khoa học phục vụ hoạt động chuyên môn; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết hội nghị: 01 Hội nghị/hội thảo.

- Chi thông tin tuyên truyền phục vụ bảo tồn lễ hội truyền thống: 01 phóng sự.

- Tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống, trình diễn trang phục của đồng bào các dân tộc”: 01 ngày hội, giao lưu, liên hoan”.

**4. Bổ sung điểm 4, mục III, phần thứ ba Đề án như sau:**

“+ Hỗ trợ đảm bảo bữa ăn dinh dưỡng cân đối hợp lý cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập: tối đa 550.000 đồng/tháng/trẻ. Thời gian hỗ trợ theo số tháng thực tế đi học và hỗ trợ tối đa không quá 36 tháng/trẻ”.

**5. Điều chỉnh nội dung tại mục IV, phần thứ ba Đề án như sau:**

“1. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: Dự kiến khoảng 22.696,6 triệu đồng.

**2. Nguồn kinh phí**

- Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: dự kiến khoảng 21.583,4 triệu đồng. Trong đó: vốn đầu tư phát triển: 9.918 triệu đồng, vốn sự nghiệp 11.665,4

triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: dự kiến khoảng 1.133,2 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư phát triển 991,8 triệu đồng; vốn sự nghiệp 121,4 triệu đồng”.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Thời gian thực hiện: Từ ngày Quyết định được ký ban hành đến hết năm 2025.

2. Áp dụng các mức chi theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025.

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Đề án.

**Điều 3.** Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh Đoàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Y Ngọc**